TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày 27/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Dương.
Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1 tỉnh T2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HS ngày 05/3/2025, Thông báo thay đổi lịch phiên toà số 12/TA ngày 17/3/2025, đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn S1, sinh ngày 14/4/1994, tại huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn NĐB, xã N T, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Việt Xvà bà Trần Thị Ng; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 16/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 31/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 24/12/2024 đến ngày 02/01/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T1, Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Minh T, sinh ngày 09/12/1999, tại huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn LTr, xã NH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T3 và bà Khổng Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tháng 02/1018 tham gia nghĩa vụ quân sự, tháng 01/2020 xuất ngũ về địa phương; bị tạm giữ từ ngày 24/12/2024 đến ngày 02/01/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T1, Trại tạm giam Công an tỉnh T2; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Tạ Văn L1, sinh năm 1986, trú tại Thôn TrN, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 23/12/2024, Ngô Văn S1 đi từ nhà đến khu vực chân cầu TrL thuộc xã TL, huyện T1, tỉnh T2 mục đích tìm mua ma túy loại Methamphetamine về bán kiếm lời. Tại đây S1 gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, nghi ngờ người này có ma túy nên S1 hỏi mua 2.000.000 đồng ma túy loại Methamphetamine. Người này đồng ý nhận tiền và đưa cho S1 01 túi nilon trong suốt bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt (*ma túy loại Methamphetamine*), S1 nhận và cất vào túi quần bên phải phía trước S1 đang mặc rồi đi về nhà. Khi về đến nhà, S1 lấy túi ma túy vừa mua được chia nhỏ cho vào 15 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu xanh bên trong mỗi túi đều chứa 01 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu xanh trong cùng đều chứa chất tinh thể trong suốt và 01 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu xanh bên trong chứa chất tinh thể trong suốt và một túi nilon trong suốt bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt. Sau đó S1 cất tất cả 17 túi nilon chứa ma túy nêu trên vào túi quần bên phải phía trước S1 đang mặc với mục đích nếu ai hỏi mua thì bán kiếm lời.

Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, khi S1 đang ở nhà thì có Hoàng Minh T đến hỏi S1 mua 200.000 đồng ma túy đá (*loại Methamphetamine*). S1 đồng ý nhận 01 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng rồi đưa cho T 01 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu xanh bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt (*là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,1566 gam*), khi S1 và T vừa giao dịch xong thì bị Công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang. Công an huyện T1 đã yêu cầu S1, T và mời những người làm chứng về trụ sở Công an xã Nam T, huyện T1 để làm việc. Tại đây trước sự chứng kiến của người làm chứng, T đã tự giác lấy trong túi áo khoác bên phải phía trước T đang mặc ra 01 túi nilon trong suốt có kẻ viên màu xanh bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt khai là ma túy đá vừa mua của S1 với mục đích để sử dụng. S1 tự giác lấy trong túi quần bên phải phía trước S1 đang mặc ra 01 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng khai là tiền vừa bán ma túy cho T và 15 túi nilon trong suốt có kẻ viền màu xanh bên trong mỗi túi đều chứa một túi nilon trong suốt có kẻ viền màu xanh bên trong cùng đều chứa chất tinh thể trong suốt và 01 túi nilon trong suốt bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt khai đều là ma túy đá (*qua giám định xác định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng* 3,5267 *gam)* mua về với mục đích bán kiếm lời.

Quá trình điều tra các bị cáo Ngô Văn S1 và Hoàng Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận số 1916/ KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T2 kết luận:

+ Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 3,5267 gam (ba phẩy năm nghìn hai trăm sáu mươi bảy gam)

+ Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1566 gam (Không phẩy một nghìn năm trăm sáu mươi sáu gam).

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSTH ngày 25/02/2025, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố Ngô Văn S1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251; truy tố Hoàng Minh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn S1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

- Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Hoàng Minh T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 cũng đề nghị xử lý về vật chứng, án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo, Ngô Văn S1, Hoàng Minh T đều khai nhận: Khoảng 22 giờ 30 ngày 23/12/2024, tại chỗ ở của Ngô Văn S1 sinh năm 1994 ở thôn NĐB, xã N T, huyện T1, tỉnh T2. Công an huyện T1 bắt quả tang Ngô Văn S1 đang bán cho Hoàng Minh T 01 túi ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,1566 gam với giá 200.000đồng để T sử dụng cho bản thân. Quá trình làm việc Ngô Văn S1 còn tự guyện giao nộp 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng và 16 túi ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 3,5267 gam mục đích để bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy S1 bán kiếm lời là 3,6833 gam.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Văn S1, Hoàng Minh T phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ, đồ vật tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; các Bản kết luận

số 1916/KL-KTHS, số 1917/KL-KTHS cùng ngày 30/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T2; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, bị cáo Hoàng Minh T là người đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1566 gam. Đây là số ma túy bị cáo Hoàng Minh T mua của Ngô Văn S1 với giá 200.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân; Ngô Văn S1 là người đã bán cho Hoàng Minh T 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1566 gam với giá 200.000 đồng, ngoài ra còn tự giác giao nộp 16 túi ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 3,5267 gam mục đích để bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo Hoàng Minh T đã cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Ngô Văn S1 đã cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Ngô Văn S1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Minh T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 251 Tội Mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 249 Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

[4.1] Các bị cáo Hoàng Minh T, Ngô Văn S1 là người sử dụng ma túy, biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, đồng thời là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn khác cho xã hội. Bị cáo S1 có nhân thân về hành vi trộm cắp tài sản bị xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, các bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện, vẫn sử dụng ma túy, mua bán, tàng trữ ma túy mục đích để kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an, hành vi này gây nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý. Cần áp dụng hình phạt tù

giam đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện. Bị cáo Hoàng Minh T là người nghiện ma túy, mua ma túy để sử dụng cho bản thân, không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Ngô Văn S1 bán ma tuý mục đích kiếm lời nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4.2] Hội đồng xét xử cũng xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo S1, T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nguồn gốc số ma túy: Ngô Văn S1 khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực cầu Trà Lý, xã Tây Lương, huyện T1 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh xác định đối tượng đã bán ma túy cho Ngô Văn S1 để xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án:

[6.1] Đối với 02 phong bì số 1916/KL-KTHS ký hiệu M1, M2 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 có chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định quản lý của Ngô Văn S1 và Hoàng Minh T là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng là tiền bị cáo T dùng để mua ma tuý của bị cáo S1, xác định là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu sung quỹ.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Ngô Văn S1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Bị cáo Hoàng Minh T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn S1 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2024. Phạt bổ sung 05 triệu đồng (năm triệu đồng) đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T 01 (một) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì số 1916/KL-KTHS ký hiệu M1, M2 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2 có chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định.

Tịch thu sung quỹ 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thu giữ của của bị cáo Ngô Văn S1.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/02/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Ngô Văn S1, Hoàng Minh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/3/2025./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Phân trại tạm giam khu vực T1, Trại tạm giam Công an tỉnh T2;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền